輔英科技大學

2025 年新南向產學合作國際專班
高齡及長期照護事業系二年制副學士
(114 學年度秋季班)申請入學招生簡章

Fooyin University

Admission Brochure for International Programs of New Southbound Industry-Academia Collaboration
Two-year Associate Degree in Gerontological and Long-Term Care Business

Fall Semester 2025

Address：151, Jinxue Rd., Daliao Dist., Kaohsiung, 831301, Taiwan, R.O.C.

Website：https://eic.fy.edu.tw/

E-mail：oia@msg.fy.edu.tw/ oia@fy.edu.tw

Tel：+886-7-7811151 ext. 2401、2402

Fax：+886-7-7828258

Online application：https://exam.fy.edu.tw/IAC

Apply Online

目錄/Contents/Mục lục

壹、申請資格/ Applicants' Qualifications/ Điều kiện ứng tuyển---------- 1

貳、申請方式及重要日程表/ Application method and Important Dates /Phương thức nộp hồ sơ và lịch trình quan trọng---------- 4

參、申請應繳交資料/ Required Documents/ Hồ sơ cần cung cấp ---------- 5

肆、獎學金、生活津貼及畢業後履行就業義務/ Scholarships, Living allowances, and Post-graduation Employment Obligations/ Học bổng, trợ cấp sinh hoạt và nghĩa vụ việc làm sau khi tốt nghiệp---------- 8

伍、系所招生資訊/ Programs and Quotas /Thông tin tuyển sinh ngành--------13

陸、申請費用/ Application Fee /Phí đăng ký - ----------14

柒、審查及錄取通知/ Review and Notification for Admission / Thông báo xét tuyển và nhập học ----------15

捌、報到與註冊入學/ Registration and Admission/ Đăng ký và nhập học-----17

玖、學雜費/ Tuition and Miscellaneous Fees/ Học phí và các chi phí khác ----18

拾、住宿與生活費/ Accommodation and Living Expenses/ Chi phí và sinh hoạt----------20

拾壹、保險/ Insurance/ Bảo hiểm ----------21

拾貳、其他注意事項/ Other Important Information/ Những điều cần chú ý khác----------22

＜附件＞ Appendices Phụ lục

附件一、輔英科技大學國際學生產學合作專班申請入學繳交資料檢點表/ Appendix I：Application Checklist----------24

Phụ lục 1: Bảng kiểm tra hồ sơ đăng ký nhập học Chuyên ban hợp tác giữa doanh nghiệp và trường Đại học Khoa học Kỹ thuật Phụ Anh

附件二、入學申請切結書/ Appendix II：Affidavit Letter----------26

Phụ lục 2: Giấy cam kết xin nhập học

附件三、輔英科技大學國際學生產學合作專班學生重要權利義務通知書/ Appendix III：Notice of Rights and Obligations for students -----28

Phụ lục 3: Thông báo về các quyền lợi và nghĩa vụ quan trọng của sinh viên chương trình hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp dành cho sinh viên quốc tế tại trường Đại học Khoa học Kỹ Thuật Phụ Anh

附件四、輔英科技大學國際學生產學合作專班學生自傳及留學計畫書/
Appendix IV：Autobiography and study plan ----------32

Phụ lục 4: Thư tự giới thiệu và kế hoạch học tập của sinh viên Chuyên ban hợp tác giữa doanh nghiệp và trường Đại học Khoa học Kỹ Thuật Phụ Anh

壹、申請資格/ Applicants' Qualifications/ Điều kiện ứng tuyển

一、入學身分/ Identity/ Thân phận nhập học

具新南向國家國籍且未曾具有中華民國國籍，於申請時並不具僑生資格者。

An individual of the nationality of new southbound policy (NSP) countries, who has never held nationality status from the Republic of China (R.O.C.) and who does not possess an overseas Chinese student status at the time of their application.

Những cá nhân có quốc tịch của các quốc gia có chính sách Tân hướng nam (NSP), người chưa bao giờ có quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc ("R.O.C.") và không phải sinh viên Trung Quốc ở nước ngoài tại thời điểm nộp đơn.

※有下列各款情形之一者，屬中華民國國籍：
Bất kỳ ai có một trong các trường hợp sau đây đều thuộc công dân Trung Hoa Dân Quốc:
1、出生時父或母為中華民國國民。
Cha hoặc mẹ là công dân Trung Hoa Dân Quốc trong thời điểm sinh ra.
2、出生於父或母死亡後，其父或母死亡時為中華民國國民。
Sinh ra sau khi cha hoặc mẹ qua đời, cha hoặc mẹ là công dân Trung Hoa Dân Quốc vào thời điểm qua đời.
3、出生於中華民國領域內，父母均無可考，或均無國籍者。
Sinh ra trên lãnh thổ Trung Hoa Dân Quốc mà không rõ cha mẹ là ai hoặc cha mẹ là người không quốc tịch.
4、歸化者。
Người đã nhập quốc tịch.
前項第一款及第二款之規定，於國籍法修正公布時之未成年人，亦適用之。
Các quy định tại Điều 1 và Điều 2 của đoạn trên cũng được áp dụng đối với người chưa thành niên khi Luật Căn cước công dân được sửa đổi và ban hành.
※An applicant shall have the nationality of the R.O.C. under any of the conditions provided by the following Subparagraphs:
1、His/her father or mother was a national of the R.O.C. when he/she was born.
2、He/she was born after the death of his/her father or mother, and his/her father or mother was a national of the R.O.C. at the time of death.
3、He/she was born in the territory of the R.O.C., and his/her parents can't be ascertained or both were stateless persons.
4、He/she has undergone the naturalization process of R.O.C..
The provisions specified in subparagraphs 1 and 2 above shall also apply to minors at the time of the amendment and promulgation of the Nationality Act.
Preceding Subparagraph 1 and Subparagraph 2 shall also apply to the persons who were minors at the time of the amendment and promulgation of this Act.

2025 年度申請至本校就讀之外國學生，其應備文件及相關規定應以中華民國教育部網站公布之最新『外國學生來臺就學辦法』之規定為準，若有修改，以教育部為主。(網址 https://law.moj.gov.tw/ENG/LawClass/LawAll.aspx?pcode=H0110001)及本校網站。

All required documents and regulations of application are based on "*Regulations Regarding International Students Undertaking Studies in Taiwan*" by Ministry of Education (MOE) Republic of China (Taiwan). Please visit the website of the MOE (https://law.moj.gov.tw/ENG/LawClass/LawAll.aspx?pcode=H0110001) and Fooyin University official websites for important and latest information before submitting your application.

Đối với học sinh nước ngoài nộp đơn xin nhập học tại trường trong năm học 2025, các hồ sơ cần thiết và các quy định liên quan phải tuân theo các quy định mới nhất về "Quy định về việc học sinh nước ngoài đến Đài Loan học tập" được công bố trên trang web của Bộ Giáo dục Cộng hòa Trung Hoa (Đài Loan). Đối với bất kỳ sự điều chỉnh nào, sẽ tuân theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục. (Địa chỉ trang web: https://law.moj.gov.tw/ENG/LawClass/LawAll.aspx?pcode=H0110001) và trang web chính thức của Trường Đại học Fooyin. Vui lòng truy cập trang web của Bộ Giáo dục (MOE) (https://law.moj.gov.tw/ENG/LawClass/LawAll.aspx?pcode=H0110001) vào trang web chính thức của Trường Đại học Fooyin để cập nhật thông tin quan trọng và mới nhất trước khi nộp đơn.

二、學歷資格/ Academic Qualification Requirements/ Yêu cầu về học vị và trình độ học vấn

(一)申請本專班者需具國外高中畢業或以上學歷，畢業證書須經我國外館認證。

Applicants for this program should have at least high school degrees. The graduation certificate must be certified by the Taiwan’s overseas representative offices.

Những người nộp đơn cho chuyên ban này cần có ít nhất bằng cấp trung học phổ thông. Chứng chỉ tốt nghiệp phải được chứng thực bởi các đại diện nước ngoài của Đài Loan.

(二)申請人畢業學校須為我國教育部認可或當地國政府權責機關或專業評鑑團體認可，符合教育部「大學辦理國外學歷採認辦法」規定之學校或我國政府立案之學校。

Applicants must have graduated from schools accredited by the Ministry of Education of the R.O.C. or recognized by local government agencies or professional evaluation organizations, per the 'Regulations Regarding the Assessment and Recognition of Foreign Academic Credentials for Institutions of Higher Education'.

Người nộp đơn phải tốt nghiệp từ các trường được Bộ Giáo dục của Cộng hòa Trung Hoa (Đài Loan) công nhận hoặc được các cơ quan chính phủ địa phương hoặc tổ chức đánh giá chuyên nghiệp công nhận, theo quy định trong "Quy định về việc Đánh giá và Công nhận Bằng cấp Học vị Nước ngoài cho Các cơ sở Giáo dục Cao học".

三、語言能力/ Language Proficiency/ Năng lực ngôn ngữ

本校教學以華語授課為主，部分課程採英語授課。申請者需檢附華語文能力證明，符合下列之一：

Classes are instructed mainly in Chinese and partially in English. Applicants should provide either one of the following Chinese proficiency documents:

Chương trình giảng dạy tại trường chủ yếu bằng tiếng Trung và một phần bằng tiếng Anh. Người nộp đơn cần phải đính kèm một trong các tài liệu chứng minh khả năng tiếng Trung như sau:

(一)TOCFL 入門級：A1(含)以上

TOCFL Test：Level A1 (or above)

Bằng chứng nhận kết quả kỳ thi TOCFL: Mức A1 (hoặc cao hơn).

(二)修習華語文課程 240 小時(含)以上

A proof of 240 hours or more in accumulation of Chinese learning.

Chứng chỉ chứng minh đã học tiếng Trung ít nhất 240 giờ hoặc hơn.

★依教育部規範，學生須於一年級第二學期結束前通過華語文能力測驗(TOCFL) A2(含)以上，如未通過華語文能力 A2 級(含)以上測驗者，則本校將逕予退學。

According to the regulations of the Ministry of Education, students must pass at least TOCFL Level 2 (A2) before the end of the second semester of the first year. If students fail to achieve a level of A2 or above on the TOCFL, they will be dismissed from school without exception.

Theo quy định của Bộ Giáo dục, sinh viên phải vượt qua kỳ thi năng lực tiếng Hoa (TOCFL) đạt trình độ A2 trở lên trước khi kết thúc học kỳ hai năm nhất. Nếu không đạt trình độ A2 trở lên, nhà trường sẽ tiến hành cho thôi học.

四、學業成績規定/ Academic Performance Requirement/ Quy định về kết quả học tập

本專班招收學生之學業成績規定為畢業平均成績達 6 以上(滿分 10 分)。
The requirement for admission to this program is a minimum graduation GPA of 6 (out of 10).
Quy định về thành tích học tập chuyên ban này sinh viên phải đạt điểm trung bình tốt nghiệp từ 6 điểm trở lên (trên tổng thang điểm 10).

貳、申請方式及重要日程表/ Application method and Important Dates/ Phương thức nộp đơn và lịch trình quan trọng

一、申請方式/ Application method/ Phương thức nộp đơn

Apply Online

一律採線上系統申請，申請網址如下：
https://exam.fy.edu.tw/IAC
All application documents shall be submitted through the online system. The application website is as follows: https://exam.fy.edu.tw/IAC
Tất cả các tài liệu nộp đơn phải được gửi qua hệ thống trực tuyến. Trang web nộp đơn là: https://exam.fy.edu.tw/IAC

二、重要日程表/ Important Dates/ Lịch trình quan trọng

重要事項 Important events Thông tin quan trọng	日期 Dates Thời gian
申請期限 Application deadline Thời hạn nộp đơn	2025 年 7 月 15 日 July 15th, 2025 Ngày 15 tháng 7 năm 2025
公告錄取名單 Results announcement Thông báo kết quả	2025 年 8 月 8 日 August 8th, 2025 Ngày 8 tháng 8 năm 2025
寄發入學許可 Delivery of admission materials Gửi thông báo nhập học	2025 年 8 月 15 日 August 11th, 2025 Ngày 15 tháng 8 năm 2025
開學日期 Classes begin Ngày khai giảng	2025 年 9 月 15 日 September 15th, 2025 Ngày 15 tháng 9 năm 2025

備註：外國學生來臺就學辦法第 11 條規定：「外國學生註冊入學時，未逾該學年第一學期修業期間三分之一者，於當學期入學」。

Note: Regulations Regarding International Students Undertaking Studies in Taiwan Article 11: An international student who reports to register at a university before it is already one-third of the way into the first semester of the current academic year shall be registered for the first semester.

Ghi chú: Điều 11 Quy định về Sinh viên nước ngoài học tập tại Đài Loan: sinh viên quốc tế lúc đăng ký nhập học, nếu chưa quá một 1/3 thời gian của học kỳ đầu tiên của năm học hiện tại, thì sẽ được tính đăng ký nhập học trong học kỳ đó.

★入學相關時程日期如有所變更，本校將另行公告及通知。

If the admission schedule is subject to change, further notice or announcements of changes will be made if necessary.

Nếu có bất kỳ thay đổi nào liên quan đến thời gian nhập học, nhà trường sẽ thông báo và công bố sau.

參、申請應繳交資料/ Required Documents/ Hồ sơ cần cung cấp

一、入學申請表/ Application Form/ Phiếu đăng ký

二、護照影本或其他國籍證明文件

One copy of passport or other equivalent verification of nationality.

Bản sao hộ chiếu hoặc hồ sơ chứng minh quốc tịch khác.

三、經我國駐外使領館、代表處、辦事處或其他經外交部授權機構驗證之外國學校最高學歷證明文件及成績單（中、英文以外之語文，應附中文或英文譯本）。

One copy of the highest academic diploma and the transcript of the highest educational degree authenticated by Taiwan, R.O.C. embassies, representative, consulates, or other mission authorized by the Taiwan Ministry of Foreign Affairs. (If the original document is not in English or Chinese, the document must be notarized after being translated into English or Chinese).

Bản chứng thực về bằng cấp học vấn cao nhất và bảng điểm của bằng cấp học vấn cao nhất do các đại sứ quán, đại diện, lãnh sự quán của Đài Loan hoặc các cơ quan khác được ủy quyền bởi Bộ Ngoại giao Đài Loan xác thực (nếu tài liệu gốc không bằng tiếng Anh hoặc tiếng Trung, tài liệu phải được chứng thực sau khi được dịch sang tiếng Anh hoặc tiếng Trung).

四、財力證明或全額獎學金證明文件

An official bank financial statement and/or proof of full scholarship award document.

Chứng minh tài chính hoặc tài liệu chứng minh được nhận học bổng toàn phần

最近三個月內經由金融機構提出之中文或英文存款證明新臺幣 90,000 元以上（約美金 3,000 元），本專班學生第一學期享有學雜費與住宿費全免之全額獎學金及每月生活津貼；第二至第四學期則需符合一定條件後，方可續領相同獎學金，及每月生活津貼或實習津貼。

註 1：非本人之財力須另繳附親屬關係證明。

註 2：若存款證明之幣值非新臺幣或美金，申請人需自行註明匯率並換算成相當於新臺幣或美金之金額，註記於存款證明上。

An official bank statement (in Chinese or English) that indicates an account balance of over NTD 90,000 30,000 (approximate USD 3,000 1,000). The statement must be issued by a financial institution within 3 months prior to application. Students in this program get a full scholarship that covers all tuition and accommodation fees for the first semester, along with a monthly living allowance. From the second to fourth semesters, students need to meet certain conditions to continue receiving the same scholarship, and a monthly allowance or an internship stipend.

Note 1: Non-personal financial resources must be accompanied by a kinship certificate.

Note 2: If the currency of the bank statement is neither NT dollars nor US dollars, applicants themselves shall do the conversion and write down the exchange rate.

Trong vòng ba tháng gần nhất, sinh viên cần nộp giấy chứng nhận số dư tài khoản bằng tiếng Trung hoặc tiếng Anh do ngân hàng cấp, với số dư tối thiểu 90.000 Đài tệ (khoảng 3.000 USD). Sinh viên của chương trình này sẽ được hưởng học bổng toàn phần trong học kỳ đầu tiên, bao gồm miễn toàn bộ học phí, lệ phí và chi phí ký túc xá, kèm theo trợ cấp sinh hoạt hằng tháng. Từ học kỳ thứ hai đến học kỳ thứ tư, sinh viên phải đáp ứng các điều kiện nhất định mới được tiếp tục nhận học bổng tương đương, cùng với trợ cấp sinh hoạt hằng tháng hoặc trợ cấp thực tập.

Ghi chú 1: Nguồn tài chính không phải cá nhân phải kèm theo chứng chỉ mối quan hệ thân nhân.

Ghi chú 2: Nếu giấy chứng nhận số dư không dùng đơn vị TWD hoặc USD, vui lòng ghi rõ tỷ giá và quy đổi số tiền tương đương, kèm theo ghi chú trực tiếp trên giấy.

五、入學申請切結書/ Affidavit letter/ Cam kết xin nhập học

學生需填寫報名資格切結書，並親筆簽名。

Students are required to fill out and sign the Eligibility Declaration form personally.

Học sinh phải điền đơn cam kết về điều kiện nhập học và ký tên.

六、學生重要權利義務通知書/ Notice of Rights and Obligations for students/ Thông báo về quyền lợi và nghĩa vụ quan trọng của học sinh

學生需詳細閱讀後並親筆簽名。

Students are required to carefully read and personally sign this document.

Yêu cầu học sinh đọc kỹ và ký tên

七、自傳及留學計畫書(需明確說明來輔英就讀動機)

Autobiography and study plan in Chinese or English. (Need to clearly explain your motivation for studying at Fooyin University)

Tự giới thiệu và kế hoạch học tập bằng tiếng Trung hoặc tiếng Anh (Cần giải thích rõ ràng động lực học tập tại Đại học Khoa học Kỹ thuật Phụ Anh)

八、語言能力證明/ Language Proficiency in Chinese language/ Bằng chứng về khả năng tiếng Trung

本校教學以華語授課為主，部分課程採英語授課。申請者需檢附華語文能力證明，符合下列之一：

Classes are instructed mainly in Chinese and partially in English. Applicants should attach either one of the following Chinese proficiency documents:

Chương trình giảng dạy chủ yếu bằng tiếng Trung và một phần bằng tiếng Anh. Người nộp đơn cần đính kèm một trong các tài liệu chứng minh khả năng tiếng Trung sau đây:

1. TOCFL 入門級：A1(含)以上/ TOCFL Test：Level A1 (or above)

   Kết quả kỳ thi TOCFL: Mức A1 (hoặc cao hơn)..

2. 修習華語文課程 240 小時(含)以上/ 240 hours or more in accumulation of Chinese learning

   Chứng chỉ chứng minh đã học tiếng Trung ít nhất 240 giờ hoặc hơn.

九、其他有助審查之文件（如英文能力證明、證照、獎狀、推薦信…等）

Other supportive documents. (For example: English language proficiency, certificates of examinations, awards, recommendation letters, etc.)

Các tài liệu khác hỗ trợ công tác xét duyệt (Ví dụ: Bằng chứng về trình độ tiếng Anh, chứng chỉ, giấy khen, thư giới thiệu,..v.v.)

十、申請人於報名時所提供之資料，僅作為本校招生使用，且除提供申請人個人、本校招生相關單位、申請系所、移民署、教育部及其委託之學歷查證單位使用外，其餘均依照「個人資料保護法」相關規定處理。

All applied materials are for school admissions use only, and in addition to providing the individual applicant, admission units, the application program, National Immigration Agency, the Ministry of Education, and the units of academic credential examination, but all the other uses have to be in accordance with the Taiwan "Personal data Protection Act".

Tất cả thông tin và tài liệu do thí sinh cung cấp trong quá trình đăng ký chỉ được sử dụng cho mục đích tuyển sinh của nhà trường. Ngoài việc cung cấp cho bản thân thí sinh, các đơn vị tuyển sinh liên quan trong trường, khoa/ngành đăng ký, Cục Di dân, Bộ Giáo dục và đơn vị được ủy thác xác minh văn bằng, mọi thông tin khác sẽ được xử lý theo quy định của “Luật Bảo vệ thông tin cá nhân” hiện hành.

肆、獎學金、生活津貼及畢業後履行就業義務/ Scholarships, Living allowances, and Post-graduation Employment Obligations/ Học bổng, trợ cấp sinh hoạt và nghĩa vụ việc làm sau khi tốt nghiệp.

一、獎學金 Scholarships Học bổng

學期 Semester Học kì	獎助學金及住宿費 Scholarships and Accommodation Fee Học bổng và chi phí kí túc xá	申請資格 Qualification Điều kiện
第一學期 The 1st Semester Học kì 1	1. 衛福部獎助學金25,000元 Ministry of Health and Welfare scholarship: NTD 25,000 Học bổng của Bộ Y tế và Phúc lợi: 25.000 NTD. 2. 企業獎助學金25,000元 Internship companies scholarship: NTD 25,000 Học bổng của doanh nghiệp: 25.000 NTD. 3. 輔英獎助學金6,610元及全額住宿費補助 Fooyin University Scholarship: NTD 6,610, plus a full subsidy for accommodation fees. Học bổng của trường Đại học Khoa học Kỹ Thuật Phụ Anh : 6.610 NTD, hỗ trợ cấp toàn bộ phí ký túc xá.	1. 新生完成註冊程序時，即核定其獎助學金。 The scholarship will be approved when the student completes the registration proces Học bổng sẽ được xét duyệt và cấp khi tân sinh viên hoàn tất thủ tục đăng ký nhập học. 2. 學校提供全額住宿費補助，但須先繳交宿舍履約保證金 2,000 元，保證履行本校住宿住滿一學年為期之約定。 University provides a full dormitory scholarship, but students are required to pay dormitory contract bond of NTD 2,000 per person upon applying for dormitory accommodation, as a guarantee for fulfilling a whole year dormitory residency agreement. Trường sẽ hỗ trợ toàn bộ chi phí ký túc xá, tuy nhiên sinh viên cần nộp trước khoản tiền đặt cọc cam kết lưu trú là 2.000 Đài tệ, nhằm đảm bảo thực hiện đầy đủ cam kết ở ký túc xá trong suốt một năm học.
第二學期起至第三學期 From the 2nd semester to the 3rd semester Học kì 2-3	1. 衛福部獎助學金每學期25,000元 Ministry of Health and Welfare scholarship: NTD 25,000 per semester. Học bổng của Bộ Y tế và Phúc lợi: 25.000 NTD. 2. 企業獎助學金每學期25,000元 Internship companies scholarship: NTD 25,000 per semester. Học bổng của doanh nghiệp: 25.000 NTD. 3. 輔英獎助學金每學期6,610元及全額住宿費補助 Fooyin University Scholarship:	前一學期學業成績 75 分以上及操性成績 80 分以上，且無記過以上重大過失違規行為，且無欠繳學雜費者。 The requirements for eligibility are as follows: Students must have a grade average of 75 or above and a conduct grade of 80 or above in the previous semester. Additionally, students must not have any major rule violations or unpaid tuition fees.

	NTD 6,610, plus a full subsidy for accommodation fees. Học bổng của trường Đại học Fooyin: 6.610 NTD, cộng với trợ cấp toàn bộ phí ăn ở.	Điều kiện được cấp học bổng như sau: thành tích phải đạt điểm trung bình 75 điểm trở lên và điểm hạnh kiểm từ 80 điểm trở lên trong học kỳ trước, không vi phạm kỷ luật ở mức cảnh cáo trở lên, và không có nợ học phí hoặc các khoản lệ phí khác. 書卷獎為前一學期總成績第 1 至 3 名學生，第一名獎學金 3,000 元；第二名獎學金 2,000 元；第三名獎學金 1,000 元。 The Academic Excellence Award is given to the top three students based on their overall academic performance in the previous semester. The first-place winner receives a scholarship of NTD 3,000, the second-place winner receives NTD 2,000, and the third-place winner receives NTD 1,000. Học bổng xuất sắc được trao cho ba sinh viên đứng đầu dựa trên thành tích học tập tổng thể trong học kỳ trước. Người xếp hạng nhất nhận được học bổng 3.000 Đài tệ,xếp hàng thứ hai nhận được 2.000 Đài tệ và xếp hạng thứ ba nhận được 1.000 Đài tệ

二、生活津貼 Living Allowance Scholarship Trợ cấp sinh hoạt

衛福部和合作企業提供生活津貼方式與資格
Methods and Qualifications for Living Allowance Provided by The Ministry of Health and Welfare and Internship Companies

Các phương pháp và tiêu chuẩn nhận trợ cấp sinh hoạt do Bộ Y tế và Phúc lợi và các công ty thực tập cung cấp

衛福部和合作企業提供專班學生就學期間第一至第三學期每人每個學期 50,000 元 生活津貼；第四學期實習期間則提供實習崗位與實習津貼 (至少應比照台灣最低基本薪資) (目前為每月新台幣 28,590 元)。

The Ministry of Health and Welfare, in cooperation with internship companies, provides per semester living allowance of NTD 50,000 per student from the 1st semester to the 3rd semester. During the 4th semester of internship, the enterprise offers internship opportunities along with an allowance that is no less than the minimal wage (currently NTD 28,490 per month) in Taiwan.

Bộ Y tế và Phúc lợi, hợp tác với các doanh nghiệp thực tập, cung cấp trợ cấp sinh hoạt mỗi học kỳ là 50.000 Đài tệ cho mỗi sinh viên từ học kỳ 1 đến học kỳ thứ 3. Trong học kỳ thực tập thứ 4, doanh nghiệp mang đến cơ hội thực tập cùng với khoản trợ cấp không thấp hơn mức lương cơ bản (28.590 NTD/ tháng) tại Đài Loan.

領取生活津貼學生畢業後即具有留臺就業義務，提供獎助津貼之企業具有優先留用聘僱學生的權利。
After graduation, students are obligated to seek employment in Taiwan. Industries that provide subsidies have the right to prioritize the employment of these students.

Sinh viên nhận trợ cấp sinh hoạt phải có nghĩa vụ ở lại Đài Loan làm việc sau khi tốt nghiệp, đồng thời doanh nghiệp hỗ trợ học bổng và trợ cấp sẽ có quyền ưu tiên tuyển dụng sinh viên đó.

三、畢業後履行就業義務 Employment Obligation after Graduation

Thực hiện nghĩa vụ việc làm sau khi tốt nghiệp

本專班學生就學期間領取政府及企業獎助，畢業後即具有一定期間的留臺就業義務(不得外派至海外)。學生如中途退出專班或畢業後未履約就業者，所受領之獎助金及生活津貼必須依規定之原則繳還。原則如下：

Students in this program receive government and corporate assistance during their study period. After graduation, they are obligated to work in Taiwan for a specified period (without being dispatched overseas). If a student withdraws from the program midway or fails to fulfill the employment obligation after graduation, they must repay the received grants and living allowances according to the specified principles. The principles are as follows:

Sinh viên của chương trình này trong thời gian học được nhận các khoản học bổng và trợ cấp từ chính phủ và doanh nghiệp, sau khi tốt nghiệp phải có nghĩa vụ làm việc tại Đài Loan trong một khoảng thời gian nhất định (không được chuyển công tác ra nước ngoài). Nếu sinh viên nghỉ học giữa chừng hoặc sau khi tốt nghiệp không thực hiện nghĩa vụ làm việc theo cam kết, các khoản học bổng và trợ cấp sinh hoạt đã nhận phải được hoàn trả theo quy định dưới đây:

(一)屬不可歸責於學生之原因，無須繳還獎助金及生活津貼：
If the circumstances are not under student control, there is no requirement for repayment:

Những lý do không liên quan đến sinh viên, không cần phải hoàn trả học bổng và trợ cấp sinh hoạt:

1. 原合作企業因營運調整，於學生在學期間停止提供生活津貼，又學生經學校媒合仍無法覓得其他企業願意續予補助生活津貼，致學生中途退出專班者。
   Due to the operational adjustment, the original collaborating industry ceases to provide living allowance to student during their learning and student is unable to achieve additional support from other industry, leading the student's withdrawal from the INTENSE program.

   Do điều chỉnh hoạt động, doanh nghiệp hợp tác ban đầu ngừng cung cấp trợ cấp sinh hoạt cho sinh viên trong quá trình học tập và sinh viên không thể nhận được hỗ trợ bổ sung từ các doanh nghiệp khác, dẫn đến việc sinh viên phải rút khỏi chuyên ban này.

2. 原合作企業因營運調整，於學生畢業時無職缺可聘用，又學生經學校進行就業輔導及媒合其他企業仍無法覓得適合企業聘僱者。
   Due to the operational adjustment, the original collaborating company has no job vacancies available for employment upon the student's graduation and, and despite the school's efforts in providing career guidance and facilitating job placement, the student is unable to secure suitable employment opportunities.

   Do điều chỉnh hoạt động, doanh nghiệp hợp tác ban đầu không còn vị trí tuyển dụng nào khi sinh viên tốt nghiệp và mặc dù nhà trường đã nỗ lực cung cấp hướng nghiệp và tạo điều kiện việc làm nhưng vẫn không thể đảm bảo cơ hội việc làm phù hợp cho sinh viên.

3. 合作企業於學生就業期間有勞動基準法第十四條第一項規定情形，致學生提出終止契約，又學生經學校進行就業輔導及媒合，仍無法覓得適合企業接續聘僱者。
   If the collaborating company, during the student's employment period, encounters situations as specified in Article 14, Paragraph 1 of the Labor Standards Act, leading the student to terminate the contract, and despite the school's efforts in providing career guidance and facilitating job placement, the student is still unable to find a suitable company for subsequent employment.

   Nếu doanh nghiệp hợp tác trong thời gian làm việc của sinh viên, gặp phải các tình huống quy định tại Điều 14, Đoạn 1 Luật Tiêu chuẩn lao động dẫn đến việc sinh viên chấm dứt hợp đồng, mặc dù nhà trường đã nỗ lực hướng nghiệp và tạo điều kiện việc làm cho sinh viên, nhưng vẫn chưa tìm được doanh nghiệp phù hợp cho sinh viên tiếp tục làm việc.

4. 學生死亡、因重大疾病或意外事故不能繼續就學或就業，經衛生福利部新制醫院評鑑合格之教學醫院以上層級，開立認定無法繼續就學或就業證明者，或因事故致家庭巨變無法繼續就學或就業，經學校查證屬實者。
   Student's death, severe illness, or an unforeseen accident preventing them from continuing their studies or employment, a certified document issued by a teaching hospital rated at or above the level of accreditation by the Ministry of Health and Welfare, stating the student's inability to continue education or employment, or in cases where significant family upheaval due to an accident prevents the student from pursuing education or employment, as verified by the school.

   Học sinh tử vong, bệnh nặng hoặc một tai nạn không lường trước khiến họ không thể tiếp tục học tập hoặc làm việc, có chứng nhận do bệnh viện được công nhận bởi Bộ Y tế và Phúc lợi, nêu rõ học sinh không có khả năng tiếp tục học tập hoặc việc làm, hoặc trong trường hợp gia đình có biến động đáng kể do tai nạn khiến học sinh không thể theo đuổi việc học hoặc việc làm, theo xác nhận của nhà trường Trường hợp sinh viên tử vong, hoặc do mắc bệnh trọng hoặc tai nạn nghiêm trọng không thể tiếp tục học tập hoặc làm việc, và có giấy xác nhận không thể tiếp tục học tập hoặc làm việc do bệnh viện giảng dạy đạt tiêu chuẩn đánh giá của Bộ Y tế và Phúc lợi cấp; hoặc do tai nạn gây biến cố lớn trong gia đình khiến sinh viên không thể tiếp tục học tập hoặc làm việc, và được nhà trường xác minh là đúng sự thật.

(二)屬可歸責於學生之原因，應繳還獎助金及生活津貼：

If the circumstances are under student control, requirement for repayment:

Những lý do liên quan đến sinh viên, yêu cầu phải hoàn trả các khoản học bổng và trợ cấp sinh hoạt:

1. 就學期間因個人因素中途退出專班：如申請轉學、轉系、休學返國，經學校輔導後仍放棄繼續就讀專班、或經學校依學則退學、開除學籍等情形。

   Withdrawal from the specialized program during the academic period due to personal reasons such as applying for transfer, changing majors, absence, or returning to one's home country. Even after guidance provided by the school, if the student chooses to leave the specialized program or if the school, in accordance with its regulations, initiates withdrawal or expulsion.

   Rút khỏi chuyên ban này vì lý do cá nhân trong quá trình học: như xin chuyển trường khác, chuyển khoa, nghỉ phép về nước, từ bỏ việc tiếp tục theo học lớp đặc chuyên ban sau khi được tư vấn bởi nhà trường, hoặc thôi học theo quy chế học tập của nhà trường, hoặc bị đuổi học, v.v.

2. 學生學習表現不佳，未通過學校及企業評核標準，並經學校輔導後仍無改善且依學則處以退學、開除學籍等情形。

   Poor academic performance, failure to meet the evaluation standards set by both the school and the collaborating industry. Even after school guidance, student fails improve, and in accordance with the school regulations, the student faces withdrawal or expulsion.

   Học sinh có thành tích học tập kém, không đạt tiêu chuẩn đánh giá của nhà trường, doanh nghiệp và không tiến bộ sau khi được nhà trường tư vấn và bị buộc thôi học, đuổi học, v.v. theo quy định về học tập.

3. 學生畢業後選擇不至合作企業或相關產業領域就業，或就業後違反公司規定被依法終止勞動契約，並經學校輔導後仍無改善者。

   After graduation, student chooses not to pursue employment with the collaborating industry or in the relevant industrial field, or if, after employment, the student violates company regulations leading to lawful termination of the labor contract, and after school guidance, no improvement is observed.

   Sinh viên sau khi tốt nghiệp, không chọn tìm việc làm trong doanh nghiệp hợp tác hoặc các ngành liên quan hoặc vi phạm quy định của công ty và bị chấm dứt hợp đồng lao động một cách hợp pháp mà vẫn không cải thiện sau khi được nhà trường tư vấn.

4. 學生於合作企業就業期間未滿受領獎助金年限：應依其未就業之月數比例繳還產學獎助金；不滿一月者，以一月計。

   If a student, during the employment period with the collaborating industry, does not complete the specified duration for receiving scholarship, repayment should be made based on the proportion of the remaining months unemployed; for periods less than one month, one month's repayment is required.

   Sinh viên chưa hoàn thành thời gian nhận học bổng, trợ cấp khi làm việc tại doanh nghiệp hợp tác phải hoàn trả học bổng của trường đại học công nghiệp tương ứng với số tháng chưa làm việc nếu thời gian dưới một tháng, sẽ được tính một tháng.

伍、系所招生資訊/ Programs and Quotas/ Thông tin tuyển sinh của ngành

本校經教育部中華民國 113 年 5 月 16 日臺教技(四)字第 1130047925 號函核定通過之班別及名額如下

The programs and quotas are approved by the Ministry of Education via its official document on 2024/5/16(code:臺教技(四)字第 1130047925 號函)

Các chương trình và số lượng giới hạn đã được Bộ Giáo dục phê duyệt qua văn bản chính thức của Bộ Giáo dục vào ngày 16/05/2024 (mã: Taiwan Education Technology 1130047925 TT)

學制 The Academic Degree System Hệ thống bằng cấp	班別 Program Chương trình	招生國籍 Nationality Quốc tịch	核定招生名額 Quotas Chỉ tiêu tuyển sinh
二年制副學士 Two-year Associate Degree Hệ cao đẳng hai năm	高齡及長期照護事業系 國際學生產學合作專班 International Student-Industry Collaboration Program, Department of Gerontological and Long-Term Care Business Chương trình hợp tác sinh viên quốc tế giữa nhà trường và doanh nghiệp, Chuyên ngành chăm sóc sức khỏe người cao tuổi dài hạn.	越南 Vietnam	40

註 1：入學時間：秋季班 9 月 15 日。

Note 1: Enrolment Date: Fall Semester, September 15.

Lưu ý 1：Ngày nhập học: Học kỳ mùa thu ngày 15 tháng 9.

註 2：修業年限：二年制副學士班為 2～4 年。

Note 2: Program Duration:2～4 years for Two-year Associate Degree.

Lưu ý 2：Thời lượng chương trình: 2～4 năm dành cho sinh viên cao đẳng.

註 3：畢業應修學分：本專班畢業應修學分為 80 學分。

Note 3: Credits requirement for graduation: 80 credits in total.

Lưu ý 3：Yêu cầu tín chỉ để tốt nghiệp: tổng cộng 80 tín chỉ.

★申請人請直接與本校在各國正式合作單位或直接透過本校報名，且勿透過其他管道。

Applicant shall submit application via our cooperation partner in each country or submit to our school directly; please do not use other submission channels.

Người đăng ký vui lòng liên hệ trực tiếp với đơn vị đối tác chính thức của nhà trường tại quốc gia hoặc đăng ký trực tiếp qua nhà trường, không thông qua các kênh khác.

★本校將視招生狀況與實際情形決定是否開班，並保有最終開班與否之權利。

The University reserves the right to decide on the offering of classes depending on enrollment numbers and other practical considerations.

Nhà trường sẽ căn cứ vào tình hình tuyển sinh và thực tế để quyết định có mở lớp hay không,

đồng thời giữ quyền quyết định cuối cùng về việc mở lớp.

陸、申請費用/ Application Fee/ Phí đăng ký

申請費用：免收

Application Fee: Free of charge

Phí đăng ký: miễn phí

柒、審查及錄取通知/ Review and Notification for Admission

Xét duyệt và thông báo kết quả nhập học

評分項目 Items Các mục đánh giá.	配分 Points Distributed Chia điểm	計分內容 Scoring Content
書面資料審查 Review of written materials Xem xét tài liệu bằng văn bản.	50 分 50%	審查申請入學文件完整性，包括基礎華語能力證明、歷年成績及其他有利文件如推薦信、獎狀、證照等。 Reviewing the completeness of the application documents, including a proof of basic Chinese language proficiency, academic transcripts, and other favorable documents such as recommendation letters, certificates, or licenses. Xem xét tính đầy đủ của các tài liệu đăng ký, bao gồm bằng chứng về trình độ tiếng Trung cơ bản, bảng điểm học tập và các tài liệu có lợi khác như thư giới thiệu, chứng chỉ hoặc giấy phép
面試 Interview Phỏng vấn	50 分 50%	1.個人儀態談吐表現。 Personal demeanor and speech performance. Tác phong, thái độ và cách diễn đạt của cá nhân. 2.就讀意願及生涯規劃。 Admission intention and career prospect Nguyện vọng học tập và kế hoạch phát triển nghề nghiệp.

註：若成績有同分的情況，會依序以面試、華文能力、在校成績、相關證照的順序來參酌比序。

Note: If there are cases of the same grades, the ranking will be determined in the following order: Interview, Chinese language proficiency, academic performance, and relevant certificates.

Lưu ý 1:Nếu có trường hợp điểm số như nhau, việc xếp hạng sẽ được xác định theo thứ tự sau: Phỏng vấn, trình độ tiếng Trung, kết quả học tập và các chứng chỉ liên quan.

一、本校外國學生之入學申請，由各系（所）依其訂定之入學標準進行初審，招生委員會就初審通過名冊予以複審，審查合格錄取之外國新生名冊報請校長核定後，由國際暨兩岸事務處發給錄取生錄取通知。

The admission of international students will first be evaluated by each corresponding department according to their own admission criteria. A preliminary admission list will be compiled and submitted to the Admission Committee for further review. A final admission roster will be submitted to the principal for approval. An Admission Letter will then be sent to each admitted student by the Office of International and Cross-Strait Affairs.

Đối với việc xét duyệt hồ sơ đăng ký nhập học của sinh viên do khoa tiến hành sơ tuyển dựa trên tiêu chuẩn tuyển sinh do đơn vị quy định. Danh sách ứng viên vượt qua vòng sơ tuyển sẽ được Hội đồng tuyển sinh thực hiện phúc tra. Sau khi danh sách sinh viên quốc tế đủ điều kiện trúng tuyển được Hiệu trưởng phê duyệt, Phòng Hợp tác Quốc tế và Đối ngoại hai bờ sẽ tiến hành gửi thư báo trúng tuyển cho sinh viên.

二、錄取生收到錄取通知後，應於規定時間內回覆國際暨兩岸事務處入學本校之意願。

Applicants who received the Admission Letter should confirm his/her enrollment to the Office of International and Cross-Strait Affairs before the deadline stated.

Sau khi nhận được Thư báo trúng tuyển, thí sinh trúng tuyển phải phản hồi về nguyện vọng nhập học cho Phòng Hợp tác Quốc tế và Đối ngoại hai bờ trong thời hạn quy định.

三、本校確認錄取生有入學意願後，即由國際暨兩岸事務處將入學許可以電子郵件方式及紙本方式寄送給新生。

Once the enrollment is confirmed, Admission Certificate will be sent to all admitted new students by e-mail and hard copy.

Sau khi xác nhận thí sinh trúng tuyển có nguyện vọng nhập học, Phòng Hợp tác Quốc tế và Đối ngoại hai bờ sẽ gửi giấy báo nhập học cho tân sinh viên bằng hình thức thư điện tử và bản giấy.

四、外國學生入學申請之結果，原則於本校國際暨兩岸事務處受理申請後 10 個工作天內通知申請人（假日順延）；申請人如於交件 20 個工作天後，未接獲本校通知者，請逕洽本校國際暨兩岸事務處查詢。

Application should be processed within 10 working days starting from the day the application is received. If applicants receive no messages from the school after 20 working days, please do not hesitate to contact us immediately.

Kết quả xét duyệt hồ sơ nhập học của sinh viên nước ngoài, về nguyên tắc, sẽ được thông báo đến thí sinh trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi Phòng Hợp tác Quốc tế và Đối ngoại hai bờ tiếp nhận hồ sơ (không tính ngày nghỉ, lễ). Trường hợp quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nộp hồ sơ mà vẫn chưa nhận được thông báo, thí sinh vui lòng liên hệ trực tiếp với Phòng Hợp tác Quốc tế và Đối ngoại hai bờ để được tra cứu thông tin.

捌、報到與註冊入學/ Registration and Admission/ Đăng ký và Nhập học

一、外國學生接到入學許可後，應依規定程序辦理報到及註冊手續，逾期未辦理報到者，即以自動放棄入學資格論，但事前以書面提出延期申請並經許可者，不在此限。

Once students receive the Admission Certificate, enrollment procedures should be taken following the provisions of the procedure. Students who fail to enroll on time will be deemed to forfeit their rights of admission, except a written petition is submitted for extension approval.

Sau khi sinh viên nước ngoài nhận được Giấy chấp nhận nhập học, cần tuân theo quy định và tiến hành thủ tục đăng ký và nhập học theo quy trình. Sinh viên không thực hiện thủ tục đăng ký đúng hạn sẽ bị xem như đã từ bỏ quyền nhập học, trừ khi có đơn xin gia hạn được nộp trước và được chấp thuận.

二、外國學生經入學後，如發現有申請文件資格不符、偽造、假借、塗改等情事，一經查明即開除學籍，亦不發給任何學歷證件；如於畢業後始發覺者，除勒令繳銷其畢業證書外，並公告取消其畢業資格。

Admission shall be denied and/or the student shall be dismissed from Fooyin University after admission if there are any violations of the general academic honor codes and/ or in the authenticity of the applicant's documents. Those who have graduated shall have their diploma revoked.

Sau khi nhập học, nếu phát hiện bất kỳ vi phạm về yêu cầu tài liệu, giả mạo, sử dụng tài liệu giả mạo hoặc vi phạm trong việc xác thực tài liệu đăng ký, học sinh sẽ bị đình chỉ học tập tại Trường Đại học Khoa học Kỹ Thuật Phụ Anh và không sẽ không được cấp bất kỳ văn bằng học vụ nào. Đối với những người đã tốt nghiệp, học bằng của họ sẽ bị thu hồi và thông báo hủy bỏ tình trạng tốt nghiệp.

三、外國學生接獲本校入學許可後，須提出接獲錄取通知後 3 個月內之健康檢查記錄。

Upon receiving Admission Certificate, all students need to provide a Health Examination Form with certificate dated within the past 3 months.

Sau nhận được thư chấp nhận nhập học của nhà trường, sinh viên phải cung cấp giấy khám sức khỏe trong vòng 3 tháng.

四、外國學生來臺註冊後，仍需配合參加本校新生體檢。

Each student also needs to have a physical examination in school after registration.

Sau khi sinh viên nước ngoài đến Đài Loan làm thủ tục nhập học, vẫn bắt buộc phải tham gia kiểm tra sức khỏe dành cho tân sinh viên do nhà trường tổ chức.

五、專班學生在學期間二年皆依規定住校；第四學期若有特殊情況，提出申請並通過審核得免住宿。

Students in the program are required to reside in on-campus dormitories for the entire two-year study period; however, the semester, those with special circumstances may apply for exemption from this requirement, which may be granted upon approval..

Trong thời gian theo học tại chương trình chuyên ban, sinh viên bắt buộc cư trú trong ký túc xá của trường trong suốt hai năm theo quy định. Riêng học kỳ thứ tư, nếu có lý do đặc biệt, sinh viên có thể nộp đơn xin miễn cư trú và được xem xét phê duyệt.

玖、學雜費/ Tuition and Miscellaneous Fees/ Học phí và các chi phí khác

提供 2025 年春季班學雜費收費標準如下表：
Tuition and miscellaneous fees for 2025 Spring Semester are for reference.
Học phí và các khoản phí khác cho Học kỳ mùa xuân năm 2025 chỉ mang tính chất tham khảo.

班別/ Program/ Chương trình	Tuition and miscellaneous fees per semester (NTD) Học phí và các khoản phí khác/ Mỗi kỳ học (NTD)
專科日間部二年制/ 2-year Associate Degree Program/ Chương trình Cao đẳng hai năm	
高齡及長期照護事業系 國際學生產學合作專班 International Student-Industry Collaboration Program, Department of Gerontological and Long-Term Care Business Chương trình hợp tác sinh viên quốc tế giữa nhà trường và doanh nghiệp, Chuyên ngành chăm sóc sức khỏe người cao tuổi dài hạn	學費(tuition) 39,810， 雜費(miscellaneous fees) 16,800 共計(total) 56,610 Học phí: 39,810 Các khoản phí khác: 16,800 Tổng cộng: 56,610

學雜費退費標準如下表：
Refund standards of tuition and miscellaneous fees are shown as follows.
Tiêu chuẩn hoàn trả học phí và các khoản phí khác như sau:

休退學時間 Time of withdrawal Thời gian thôi học	退費標準 Refund standard Tiêu chuẩn hoàn tiền
一、註冊截止日(含當日)之前辦理休退學者。 Before registration deadline. Hoàn thành thủ tục thôi học trước hạn đăng ký.	免繳學雜費，已繳交之學雜費金額全額退。 Tuition: Do not have to pay (Tuition fee will be refunded in full, if already paid) Miscellaneous fees: Do not have to pay (Miscellaneous fees will be refunded in full, if already paid) Miễn đóng học phí và các khoản phí khác; số tiền học phí và các khoản phí đã đóng sẽ được hoàn trả đầy đủ.
二、註冊截止次日至上課(開學)日之前一日辦理休退學者。 After registration deadline to one day before the beginning of classes. Sau thời hạn đăng ký một ngày trước khi bắt đầu lớp học. 備註:其採學分學雜費或學雜費基數核算者，退還已繳交之學雜費基數(或學分學雜費)三分之二 。 Note: For those who are subject to the calculation of tuition and miscellaneous fees based on credits, the refund will be two-thirds of the credit fees and miscellaneous fee. Lưu ý: Đối với những người thuộc đối tượng tính học phí và các khoản phí khác dựa trên tín chỉ, số tiền hoàn trả sẽ là 2/3 số tín chỉ và phí linh tinh.	已繳學費之金額退三分之二，已繳雜費之金額全退。 Tuition fees will be refunded by two-thirds and miscellaneous fees will be fully refunded, if already paid. Học phí sẽ được hoàn lại 2/3 và các khoản phí khác sẽ được hoàn trả đầy đủ nếu đã thanh toán.

三、上課(開學)日(含當日)之後未逾學期三分之一辦理休退學者。 Within one-third of the semester after classes have already started. Trong vòng 1/3 học kỳ sau khi các lớp học đã bắt đầu. 備註:其採學分學雜費或學雜費基數核算者，退還已繳交之學分費、已繳交之學雜費基數(或學分學雜費)各三分之二 。 Note: For those subject to the calculation of tuition and miscellaneous fees based on credits, the refund will be two-thirds of the credit fees and miscellaneous fee. Lưu ý: Đối với những đối tượng được tính học phí và các khoản phí linh tinh dựa trên tín chỉ, số tiền hoàn trả sẽ là 2/3 số tín chỉ và phí linh tinh.	已繳學費、雜費之金額退三分之二。 Tuition and miscellaneous fees will be refunded by two-thirds, if already paid. Học phí và các khoản phí linh tinh sẽ được hoàn trả 2/3 nếu đã đóng phí.
四、上課(開學)日(含當日)之後逾學期三分之一，未逾學期三分之二辦理休退學者。 From one-third of the semester to two-thirds of the semester after classes start. Từ một phần ba học kỳ đến hai phần ba học kỳ sau khi lớp học bắt đầu. 備註:其採學分學雜費或學雜費基數核算者,退還已繳交之學分費、學雜費基數(或學分學雜費)各三分之一 。 Note: For those subject to the calculation of tuition and miscellaneous fees based on credits, the refund will be one-third of the credit fees miscellaneous fee. Lưu ý: Đối với những đối tượng được tính học phí và các khoản phí khác dựa trên tín chỉ, khoản hoàn trả sẽ là 1/3 phí tín chỉ và phí linh tinh.	已繳學費、雜費之金額退三分之一。 Tuition and miscellaneous fees will be refunded by one-third, if already paid. Học phí và các khoản phí khác sẽ được hoàn lại 1/3 nếu đã nộp.
五、上課（開學）日（含當日）之後逾學期三分之二辦理休退學者。 Complete the withdrawal procedures after two-thirds of the semester. Học sinh/sinh viên làm thủ tục nghỉ học hoặc thôi học sau ngày khai giảng (bao gồm cả ngày khai giảng) vượt quá hai phần ba thời gian học kỳ.	已繳學費、雜費之金額不予退費。 No refund, if already paid. Số tiền học phí và các khoản phí khác đã đóng sẽ không được hoàn trả.

拾、住宿與生活費/ Accommodation and Living Expenses

Chi phí chỗ ở và sinh hoạt

一、本校備有男女生宿舍，每間房可住 4 至 6 人，設置有網路、電話、空調、電腦桌及單元式傢具等溫馨舒適。學生宿舍費用每學期新臺幣 11,000~13,500 元。

Basic dormitory Fee (On-campus Dormitory)

The dormitory fee ranges from NTD 11,000 to 13,500 per semester for 6-bed and 4-bed room respectively. These rooms are equipped with air conditioning, computer tables, furniture, telephone, and free Wi-Fi.

Trường có ký túc xá dành cho nam và nữ, mỗi phòng có thể ở từ 4 đến 6 người. Được trang bị Internet, điện thoại, máy lạnh, bàn máy tính và nội thất thống nhất tạo sự ấm áp, thoải mái. Phí ký túc xá sinh viên dao động từ 11.000 Đài tệ đến 13.500 Đài tệ mỗi học kỳ.

二、此專班學生依規定須住宿兩學年，入宿前需繳交宿舍履約保證金新台幣 2,000 元，以確保住宿期間遵守本校相關規定。若於前三學期內因違反宿舍規定或任何個人行為而退宿，則宿舍履約保證金一律不予退還。惟第四學期因實習需求申請外宿者，經審核通過後，得申請退還宿舍履約保證金。

Students admitted to the program are required to reside in the university dormitory for two academic years. Before moving in, a Dormitory Compliance Deposit of NTD 2,000 must be paid to ensure compliance with dormitory regulations. If a student withdraws from the dormitory during the first three semesters, whether due to a violation of dormitory rules or any other personal reason, the deposit will not be refunded. Students who apply for off-campus accommodation in the fourth semester due to internship requirements may request a refund of the deposit upon approval..

Sinh viên chuyên ban này bắt buộc phải cư trú tại ký túc xá trong hai năm học. Trước khi vào ở, sinh viên phải nộp khoản tiền đặt cọc đảm bảo ký túc xá là 2.000 Đài tệ nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định liên quan của nhà trường trong suốt thời gian lưu trú. Nếu trong ba học kỳ đầu sinh viên vi phạm quy định ký túc xá hoặc có hành vi cá nhân không phù hợp dẫn đến việc nghỉ ký túc xá, khoản tiền đặt cọc đảm bảo sẽ không được hoàn trả. Tuy nhiên, trong học kỳ thứ tư, sinh viên có thể nộp đơn xin phép ở ngoài ký túc xá do yêu cầu thực tập và sau khi được phê duyệt, sẽ được xem xét hoàn trả khoản tiền đặt cọc này..

三、生活費每個月約新臺幣 4,000 元~6,000 元。

Basic living expenses is approximately from NTD 4,000 to NTD 6,000 per month.

Chi phí sinh hoạt cơ bản khoảng từ 4.000 Đài tệ đến 6.000 Đài tệ mỗi tháng.

拾壹、保險/ Insurance/ Bảo hiểm

學生團體保險費 Student Insurance Bảo hiểm học sinh	NTD 774/ per semester （一學期）/ 774 Đài tệ mỗi kỳ học (một học kỳ) ＊參考標準 (for reference) ＊Giá tham khảo
全民健康保險 (入學後第七個月開始) National Health Insurance (starting from the seventh month of enrollment) Bảo hiểm Y tế Quốc gia (bắt đầu từ tháng thứ bảy sau khi nhập học)	NTD 826/ per month （一個月） 826 Đài tệ/1 tháng
外國學生健康保險(學生前七個月若無保險) International Student Health Insurance (For students without coverage within the first seven months of study) Bảo hiểm sức khỏe cho Sinh viên Quốc tế (Dành cho sinh viên không có bảo hiểm trong vòng bảy tháng đầu tiên)	NTD 500/ per month （一個月） 500 Đài tệ/ 1 tháng

一、學生於入臺時，應檢附已投保自入境當日起至少七個月效期之醫療及傷害保險，前項保險證明如為國外所核發者，應經駐外館處驗證。

International students shall present proof of a medical and injury insurance policy which is valid for at least 7 months from the date the student arrive in Taiwan. The above-mentioned written proof of insurance issued in a foreign country shall be verified by Overseas Agencies.

Sinh viên khi nhập cảnh vào Đài Loan phải xuất trình giấy chứng nhận đã mua bảo hiểm y tế và bảo hiểm tai nạn với thời hạn hiệu lực ít nhất bảy tháng kể từ ngày nhập cảnh. Nếu giấy chứng nhận bảo hiểm do cơ quan nước ngoài cấp, phải được đại sứ quán hoặc lãnh sự quán xác thực.

二、外國學生在臺獲領居留證後並連續居住滿六個月，始可加入全民健保。

International students are eligible to enroll in the National Health Insurance Program, after received Alien Residence Certificate and live in Taiwan continuously for six months.

Sinh viên nước ngoài sau khi nhận được giấy phép cư trú tại Đài Loan và liên tục cư trú đủ sáu tháng trở lên, mới được phép tham gia bảo hiểm y tế toàn dân.

.

拾貳、其他注意事項/ Other Important Information

Những thông tin quan trọng khác

一、入學許可並不保證簽證核給；簽證核發需檢付相關文件至我國駐外館處申請。

(請參閱外交部領事局申請居留簽證說明 https://www.boca.gov.tw/cp-9-185-35222-1.html)

The Admission Certificate does not guarantee visa issuance. Visas are approved by the Ministry of Foreign Affairs. (Please visit the Bureau of Consular Affairs, Ministry of Foreign Affairs, R.O.C at https://www.boca.gov.tw/cp-9-185-35222-1.html)

Giấy phép nhập học không đảm bảo việc cấp visa; việc cấp visa phải nộp các tài liệu liên quan đến cơ quan đại diện tại nước ngoài của Đài Loan để xin visa. (Vui lòng tham khảo Hãng Dịch vụ Lãnh sự, Bộ Ngoại giao, Cộng hòa Trung Hoa Đài Loan tại https://www.boca.gov.tw/cp-9-185-35222-1.html)

二、依行政院衛生署疾病管制局規定，自 2009 年 1 月起，凡申請來臺居留簽證，需檢具麻疹及德國麻疹抗體陽性報告或預防接種證明。詳細說明請參閱外交部領事事務局網站(https://www.boca.gov.tw)。

According to the regulations of the Center for Disease Control (CDC), Department of Health, Executive Yuan, R.O.C. (Taiwan), as of January 2009 those who apply for a resident visa must submit a medical report showing immunity to measles and rubella or proof of vaccination against measles and rubella. Please refer to the Bureau of Consular Affairs, Ministry of Foreign Affairs, R.O.C. (Taiwan) website (https://www.boca.gov.tw) for details.

Theo quy định của Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật (CDC), Bộ Y tế, Văn phòng Thư ký Thường trực, Cộng hòa Trung Hoa Đài Loan (Taiwan), kể từ tháng 1 năm 2009, những người nộp đơn xin cấp thẻ cư trú phải đệ trình báo cáo y tế chứng minh miễn dịch với bệnh sởi và rubella hoặc chứng minh tiêm chủng phòng bệnh sởi và rubella. Xin vui lòng tham khảo trang của hãng Dịch vụ Lãnh sự, Bộ Ngoại giao, Cộng hòa Trung Hoa Đài Loan (https://www.boca.gov.tw) để biết thêm chi tiết.

三、依據菸害防治法，本校全面禁煙。

According to the Tobacco Hazard Control Act, smoking is completely banned on campus.

Căn cứ theo Luật Phòng chống tác hại của thuốc lá, nhà trường nghiêm cấm hút thuốc hoàn toàn trong toàn khuôn viên.

四、本申請入學係依據「輔英科技大學學生學籍規則」及「輔英科技大學外國學生招生規定」辦理。

International student admissions are based on Fooyin University study regulations and Fooyin University regulations on governing international student admissions.

Việc tuyển sinh sinh viên quốc tế dựa trên "quy định học tập của Đại học Khoa học Kỹ Thuật Phụ Anh" và "quy định của Đại học Khoa học Kỹ Thuật Phụ Anh về quản lý tuyển sinh sinh viên quốc tế".

五、「輔英科技大學外國學生招生規定」係依據教育部「外國學生來臺就學辦法」所訂定，該辦法若經修正，將以教育部公告為準。

Fooyin University regulations on governing international student admissions are established following the Ministry of Education (MOE) "*Regulations Regarding International Students Undertaking Studies in Taiwan*". If MOE regulations are revised, the latest MOE regulations shall prevail.

Các quy định của Đại học Khoa học Kỹ Thuật Phụ Anh về quản lý tuyển sinh sinh viên quốc tế được thiết lập theo 20 “Quy định về sinh viên quốc tế thực hiện nghiên cứu tại Đài Loan” của Bộ Giáo dục (MOE). Nếu các quy định của MOE được sửa đổi thì các quy định mới nhất của MOE sẽ được áp dụng.

六、本簡章若有未盡事宜，依相關法令規定及本校審查會議決議辦理。

Any application matters not stipulated here shall be handled following Fooyin University regulations and Admissions Committee decisions.

Những nội dung chưa được quy định trong đề án này sẽ được xử lý theo các quy định pháp luật có liên quan và theo nghị quyết của hội đồng xét duyệt của nhà trường..

七、輔英科技大學並未委託或授權其他單位或個人處理招生相關業務或收取任何費用。

Fooyin University has not authorized or collaborated with any individual or unit for international student recruitment and fee collection.

Trường Đại học Khoa học Kỹ thuật Phụ Anh không ủy quyền hoặc ủy thác cho bất kỳ đơn vị hoặc cá nhân nào xử lý các công việc liên quan đến tuyển sinh hay thu bất kỳ khoản phí nào.

八、考生對錄取結果有疑義者，應於錄取名單公告後 15 日內，以書面向本校招生委員會提出申訴（即 2025 年 8 月 22 日前，郵寄至本校國際暨兩岸事務處國際事務中心，以郵戳為憑，逾期不受理）。
前項疑義，由本校招生委員會議決後，於一週內函覆考生。
地址：台灣高雄市大寮區進學路 151 號
電話：+886-7-7811151 轉 2401、2402

Applicants who have questions or objections regarding the admission results should submit an appeal in writing to the Admissions Committee within 15 days following the announcement of the admission list (by). Appeals should be sent to the International Affairs Center of the Office of International and Cross-Strait Affairs at our university, with the postmark as proof of the mailing date; late appeals will not be accepted.
The Admissions Committee will review the appeal and respond to the applicant in writing within one week of the decision.
Address：151, Jinxue Rd., Daliao Dist., Kaohsiung, 831301, Taiwan, R.O.C.
Tel：+886-7-7811151 ext. 2401、2402

Thí sinh nếu có thắc mắc về kết quả trúng tuyển, phải nộp đơn khiếu nại bằng văn bản đến Hội đồng tuyển sinh của nhà trường trong vòng 15 ngày kể từ ngày công bố danh sách trúng tuyển (tức trước ngày 22 tháng 8 năm 2025). Hồ sơ khiếu nại gửi qua bưu điện đến Trung tâm Hợp tác Quốc tế – Phòng Hợp tác Quốc tế và Đối ngoại hai bờ của nhà trường, căn cứ theo dấu bưu điện. Quá thời hạn quy định sẽ không được giải quyết.

Các thắc mắc nêu trên sẽ được Hội đồng tuyển sinh xem xét và có văn bản trả lời cho thí sinh trong vòng một tuần.

Địa chỉ: Số 151, Đường Jinxue, Quận Daliao, Thành phố Cao Hùng, Đài Loan

Điện thoại: +886-7-7811151 máy lẻ 2401, 2402

九、本招生簡章中文或英文，若有文字敘述衝突之處，以中文敘述為依據。

If there is any conflict in the Chinese or English of this brochure. The Chinese version will prevail.

Nếu có bất kỳ xung đột nào trong các phiên bản tiếng Trung, tiếng Anh, tiếng Việt của tài liệu này. Phiên bản Trung Quốc sẽ chiếm ưu thế.

附件一/ Appendix I

輔英科技大學 2025 年新南向產學合作國際專班(秋季班)申請入學繳交資料檢點表
Application Checklist

No. Số	入 學 申 請 繳 交 資 料 項 目 Items of Documents for Admission Application Các Mục Tài Liệu Đăng Ký Nhập Học	確認 Check Xác Nhận
01	入學申請表/ Application form/ Phiếu đăng ký nhập học	
02	照片/ Latest photo 6 個月內五官清晰、脫帽證件照/ Unmounted full-face photo taken within the past six months Ảnh chân dung toàn bộ khuôn mặt chụp trong vòng sáu tháng gần đây, khuôn mặt rõ ràng, không đội mũ.	
03	護照影本或其他國籍證明文件 Copy of passport or other equivalent verification of nationality Bản sao hộ chiếu hoặc các giấy tờ chứng minh quốc tịch khác	
04	經我國駐外使領館、代表處、辦事處或其他經外交部授權機構驗證之外國學校最高學歷證明文件及成績單（中、英文以外之語文，應附中文或英文譯本）。 One copy of the highest academic diploma and the transcript of the highest educational degree authenticated by Taiwan, R.O.C. embassies, representative, consulates, or other mission authorized by the Taiwan Ministry of Foreign Affairs. (If the original document is not in English or Chinese, the document must be notarized after being translated into English or Chinese). Bằng cấp và bảng điểm cao nhất do trường học nước ngoài cấp phải được xác nhận bởi cơ quan đại diện ngoại giao, lãnh sự quán, văn phòng đại diện hoặc các cơ quan khác được Bộ Ngoại giao (Đài Loan) ủy quyền. Đối với các văn bản không phải bằng tiếng Trung hoặc tiếng Anh, phải đính kèm bản dịch sang tiếng Trung hoặc tiếng Anh	
05	財力證明或全額獎學金證明文件 An official bank financial statement and/ or full scholarship award document 最近三個月內經由金融機構提出之中文或英文存款證明新臺幣 90,000 元以上（約美金 3,000 元）或政府、大專校院或民間機構提供全額獎助學金之證明文件。 註 1：非本人之財力須另繳附親屬關係證明。 註 2：若存款證明之幣值非新臺幣或美金，申請人需自行註明匯率並換算成相當於新臺幣或美金之金額，註記於存款證明上。 An official bank statement (in Chinese or English) that indicates an account balance of over NTD 90,000 (approximate USD 3,000). The statement must be issued by a financial institution within 3 months prior to application OR proof of having a full scholarship or grant provided by a government, university, college, or private organization. Giấy chứng minh số dư tài khoản bằng tiếng Trung hoặc tiếng Anh, do ngân hàng phát hành trong vòng 3 tháng gần nhất, với số dư tối thiểu 90.000 Đài tệ (khoảng 3.000 USD), hoặc giấy chứng nhận được cấp học bổng toàn phần bởi chính phủ, chứng từ vay vốn của ngân hàng hoặc tổ chức tư nhân. Note 1: Non-personal financial resources must be accompanied by a kinship certificate. Note 2: If the currency of the bank statement is neither NT dollars nor US dollars, applicants themselves shall do the conversion and write down the exchange rate. Chú ý 1: Nếu tài chính không đứng tên người nộp đơn, cần nộp kèm giấy tờ chứng minh quan hệ thân nhân. Chú ý 2: Nếu tiền tệ trên chứng từ ngân hàng không phải là Đài tệ hoặc USD, người nộp đơn phải tự thực hiện việc chuyển đổi và ghi lại tỷ giá hối đoái.	
06	入學申請切結書/ Affidavit letter/ Thư cam kết về đăng ký nhập học 學生需填寫報名資格切結書，並親筆簽名。 Students are required to fill out and sign the Eligibility Declaration form personally. Sinh viên phải điền vào bản cam kết đủ điều kiện đăng ký và ký tên xác nhận.	
07	學生重要權利義務通知書/ Notice of Rights and Obligations for students/ Thư thông báo về Quyền và Nghĩa vụ Quan trọng của inh viên 學生需詳細閱讀後並親筆簽名。 Students are required to carefully read and personally sign this document. Sinh viên cần đọc kỹ tài liệu này và tự mình ký	

08	自傳及留學計畫書(需明確說明來輔英就讀動機) Autobiography and study plan in Chinese or English. (Need to clearly explain your motivation for studying at Fooyin University) Bản tự giới thiệu bản thân và kế hoạch học tập bằng tiếng Trung hoặc tiếng Anh. (Cần nêu rõ động lực học tập tại Fooyin University)	
09	語言能力證明/ Language Proficiency in Chinese language 本校教學以華語授課為主，部分課程採英語授課。申請者需檢附華語文能力證明，符合下列之一： Classes are instructed mainly in Chinese and partially in English. Applicants should attach one of the following Chinese proficiency documents: 1.TOCFL 入門級：A1(含)以上/ TOCFL Test：Level A1 (or above) 2.修習華語文課程 240 小時(含)以上/A proof of 240 hours or more in accumulation of Chinese learning Chứng chỉ Năng lực Tiếng Trung Giảng dạy tại trường chủ yếu bằng tiếng Hoa và một phần bằng tiếng Anh. Người nộp đơn cần kèm theo một trong các tài liệu chứng minh năng lực tiếng Hoa sau đây: 1. Chứng chỉ TOCFL: Cấp độ A1 (hoặc cao hơn) 2. Chứng chỉ chứng minh học tiếng Hoa tích lũy 240 giờ hoặc hơn.	
10	其他有助審查之文件（如英文能力證明、證照、獎狀、推薦信…等 Other supplemental documents. (For example: English language proficiency, certificates of examinations, awards, recommendation letters etc.). Các tài liệu bổ sung khác có thể hỗ trợ quá trình xem xét (ví dụ: bằng cấp thi, giấy chứng nhận, thư giới thiệu, v.v.).	
11	在學證明（選繳） Verification of enrollment (optional) Chứng nhận đang học tập (tùy chọn)	

Note：

1. All documents provided in language other than Chinese or English should provide the notarized translations in Chinese or English along with the original documents.
2. All documents which require authorization should be done by the representative office or overseas embassy of Taiwan of your country.
3. Expecting graduates shall submit their up-to-date transcript and certificate of enrollment before completing the authorization process with the representative office or overseas embassy of Taiwan in your country. Please provide notarized copies in Chinese or English.

Ghi chú:

1. Các tài liệu được cung cấp bằng ngôn ngữ khác ngoài tiếng Trung hoặc tiếng Anh cần phải kèm theo bản dịch công chứng bằng tiếng Trung hoặc tiếng Anh cùng với tài liệu gốc.
2. Tất cả các tài liệu cần được ủy quyền nên được thực hiện bởi văn phòng đại diện hoặc đại sứ quán Đài Loan ở quốc gia của bạn.
3. Sinh viên sắp tốt nghiệp nên nộp bản sao bảng điểm và chứng chỉ đang học trước khi hoàn thành quy trình ủy quyền với văn phòng đại diện hoặc đại sứ quán Đài Loan ở quốc gia của bạn. Vui lòng cung cấp các bản sao được công chứng bằng tiếng Trung hoặc tiếng Anh.

入學申請切結書 Affidavit Letter Giấy cam kết xin nhập học

一、本人保證符合以下五項其中之一：I hereby certify that I fulfill one of the following conditions.

□具外國國籍且未曾具有中華民國國籍，於申請時並不具僑生資格者
At the time of application, I am holding foreign nationality and have never held Taiwan, R.O.C. nationality. Moreover, I do not have an overseas Chinese student status.
Tại thời điểm nộp đơn, tôi đang có quốc tịch nước ngoài và chưa bao giờ có quốc tịch Đài Loan, R.O.C. Hơn nữa, tôi không có tư cách du học sinh Trung Quốc.

□具外國國籍及兼具中華民國國籍者，自始未曾在臺設有戶籍；並於申請時已連續居留海外六年以上，且未曾以僑生身分在臺就學，且並未於當年度接受海外聯合招生委員會分發。
At the time of application, I am holding both foreign and R.O.C. nationalities but have never had any household registration in Taiwan. Moreover, I have been living abroad continuously for more than 6 years, have never studied as an overseas Chinese student in Taiwan, and have not been approved for student status by the University Entrance Committee for Overseas Chinese Students in the enrollment year.
Tại thời điểm nộp đơn, tôi mang cả quốc tịch nước ngoài và Trung Hoa Dân Quốc nhưng chưa từng đăng ký hộ khẩu tại Đài Loan, hơn nữa, tôi đã sống ở nước ngoài liên tục hơn 6 năm, chưa từng du học Trung Quốc tại Đài Loan. chưa được Hội đồng tuyển sinh Đại học Hoa kiều chấp thuận tư cách sinh viên trong năm tuyển sinh.

□具外國國籍，且曾具中華民國國籍者，於申請時已經內政部許可喪失中華民國國籍已滿八年；並於申請時已連續居留海外六年以上，且未曾以僑生身分在臺就學，且並未於當年度接受海外聯合招生委員會分發。
I am holding foreign nationality and once held Taiwan, R.O.C. nationality but I have abdicated my R.O.C. nationality for at least 8 years by the Ministry of Interior. Moreover, I have been living abroad continuously for more than 6 years, have never studied as an overseas Chinese student in Taiwan, and have not been approved for student status by the University Entrance Committee for Overseas Chinese Students in the enrollment year.
Tôi đang có quốc tịch nước ngoài và đã từng có quốc tịch Đài Loan, R.O.C. nhưng tôi đã thoái quốc tịch R.O.C. của mình ít nhất 8 năm bởi Bộ Nội vụ. Hơn nữa, tôi đã sống ở nước ngoài liên tục hơn 6 năm, chưa bao giờ đi du học. Sinh viên Trung Quốc tại Đài Loan và chưa được Ủy ban tuyển sinh Đại học dành cho sinh viên Trung Quốc ở nước ngoài chấp thuận trong năm tuyển sinh.

□具外國國籍，兼具香港或澳門永久居留資格，且未曾在臺設有戶籍，申請時於香港、澳門或海外連續居留滿六年以上者。I am concurrently holding a permanent residence status in Hong Kong or Macao, having no history of a household registration record in Taiwan and, at the time of application, has resided in Hong Kong, Macao, or another foreign country for more than 6 years.

Tôi đồng thời đang có hộ khẩu thường trú tại Hồng Kông hoặc Macao, không có lịch sử hộ khẩu ở Đài Loan và tại thời điểm nộp đơn, đã cư trú tại Hồng Kông, Macao hoặc nước ngoài khác hơn 6 năm.

□曾為大陸地區人民具外國國籍且未曾在臺設有戶籍，申請時已連續居留海外六年以上者。
I am a former citizen of Mainland China and holds a foreign nationality, having no history of household registration records in Taiwan, and at the time of application, has resided overseas continuously for more than 6 years.

Tôi là cựu công dân Trung Quốc đại lục và có quốc tịch nước ngoài, không có lịch sử đăng ký tại Đài Loan và hộ gia đình tại thời điểm nộp đơn, đã cư trú ở nước ngoài liên tục hơn 6 năm.

二、本人不曾在臺以外籍生身分完成高中學校學程，或未曾經國內大學校院退學。
I hereby certify that I do not finish high school programs in Taiwan with foreign student status, or once was withdrawn from colleges/universities in Taiwan.
Tôi xin xác nhận rằng tôi chưa hoàn thành chương trình trung học ở Đài Loan với tư cách là sinh viên nước ngoài, hoặc đã từng bị rút khỏi các trường cao đẳng/đại học ở Đài Loan.

三、本人保證不具香港或澳門或中華人民共和國國籍。
I hereby certify that I do not hold the nationality of Hong Kong, Macau, and the People's Republic of China.
Tôi xin xác nhận rằng tôi không mang quốc tịch Hồng Kông, Ma Cao và Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

四、本人所提供之最高學歷畢業證書在畢業學校所在國家均為合法有效取得畢業資格，並所持之證件相當於中華民國國內之各級合法學校授予學位。
I hereby certify that the certificates of the highest-level diploma I provide are valid and authentic from my school, and they are equivalent to the degree level that universities/institutes offer in the Republic of China.
Tôi xin xác nhận rằng các chứng chỉ bằng tốt nghiệp cấp cao nhất mà tôi cung cấp là hợp lệ và xác thực từ trường của tôi và chúng tương đương với cấp độ mà các trường đại học/học viện cung cấp tại Cộng hòa Trung Hoa.

五、本人所提供之所有相關資料（包括學歷、護照及其他相關文件之正本及影本）均為合法有效之文件，如有不符之情事，經查屬實即取消入學輔英科技大學資格，且不發給任何有關之學分證明。
All of the documents provided (including diploma, passport, and other relevant documents, original or copy) are valid. Should any documents be found to be invalid or false, my admission to Fooyin University will be revoked, and no proof of attendance will be issued.
Tất cả các tài liệu được cung cấp (bao gồm bằng tốt nghiệp, hộ chiếu và các tài liệu liên quan khác, bản gốc hoặc bản

sao) đều hợp lệ. Nếu bất kỳ tài liệu nào bị phát hiện là không hợp lệ hoặc sai, việc nhập học của tôi vào Đại học Khoa học Kỹ thuật Phụ Anh sẽ bị thu hồi và sẽ không có bằng chứng tham dự nào được coi là hợp lệ.

六、本人取得入學許可後，在辦理報到時，需繳交經中華民國（臺灣）駐外單位或代表處驗證之畢業證書及成績單（附認證章）正本，始得註冊入學。屆時若未如期繳交或經查證結果有不符中華民國教育部「大學辦理國外學歷採認辦法」之規定，即由　貴校取消入學資格，絕無異議。

Admitted applicants must present the originals of diploma and transcripts officially stamped/sealed by a Taiwan overseas representative office in the country of the school's location, or the nearest Taiwan overseas representative office, at the time of registration. If the related certificates cannot be submitted on time or are unacceptable by the rules of foreign degree authentication promulgated by the Ministry of Education, the undersigned will abandon the enrollment qualification, without any objection.

Các ứng viên được trúng tuyển phải xuất trình bản gốc bằng tốt nghiệp và bảng điểm được đóng dấu/đóng dấu chính thức bởi văn phòng đại diện Đài Loan ở nước ngoài tại quốc gia nơi trường đặt trụ sở hoặc văn phòng đại diện Đài Loan ở nước ngoài gần nhất tại thời điểm đăng ký. hoặc không được chấp nhận theo quy định về chứng thực bằng cấp nước ngoài do Bộ Giáo dục ban hành thì người ký tên dưới đây sẽ từ bỏ tư cách tuyển sinh mà không có bất kỳ phản đối nào.

七、上述所陳之任一事項同意授權貴校查證；並同時授權被查證單位可提供任何資料以佐證。如有不實或不符規定等情事屬實者，本人願依貴校相關規定被撤銷入學資格、開除學籍或取消畢業資格，絕無異議。

I hereby authorize Fooyin University to verify the authenticity of all the documents I provide. If anything I provide is not true, I shall follow the regulations and rules of Fooyin University for a possible withdrawal of admission, schooling, or degree earned. The decision by Fooyin University is final and irrevocable.

Bằng văn bản này, tôi ủy quyền cho Đại học Fooyin xác minh tính xác thực của tất cả các tài liệu tôi cung cấp. Nếu bất kỳ điều gì tôi cung cấp không đúng sự thật, tôi sẽ tuân theo các quy định và quy định của Đại học Fooyin về việc có thể rút lại việc nhập học, đi học hoặc bằng cấp.

申請人簽名　　日期

Signature Ký tên_____　　Date ngày_____

輔英科技大學國際學生產學合作專班學生重要權利義務通知書
Notice of Rights and Obligations for students

Thông báo về quyền lợi và nghĩa vụ quan trọng của sinh viên

1. 依教育部辦法規範申請來臺就讀新南向專班，以一次為限。於完成申請就學學校學程後，除申請碩士班以上學程，得逕依各校規定辦理外，如繼續在臺就學者，其入學方式應與我國內一般學生相同。
   Application for studying in Taiwan is based on terms and regulations from Ministry of Education, limited to one-time only. After submitting application (except for master degrees or above), please follow regulations from each school. Also admission process should be exactly the same as local Taiwanese students.
   Đơn đăng ký du học Đài Loan dựa trên các điều khoản và quy định của Bộ Giáo dục, chỉ giới hạn một lần. Sau khi nộp đơn (trừ bằng thạc sĩ trở lên), vui lòng tuân theo các quy định của mỗi trường. Ngoài ra, quy trình nhập học phải giống như sinh viên bản địa.
2. 學生成績分學業、操行兩種，以一百分為滿分、六十分為及格，成績不及格或不通過之科目，不給予學分。
   Grades will be measured by academic and conduct, 100 as full score and 60 below as fail. Credits will not be given for subjects failed.
   Điểm số sẽ được chia theo học lực và hạnh kiểm, 100 là điểm tối đa và dưới 60 là điểm trượt sẽ không được cấp tín chỉ cho các môn không đạt.
3. 專科部修業年限為 4 年，若未在修業年限內完成者，以退學論。
   The maximum study period for the junior college program is four years. Students will be drop out if not able to complete the degree within 6 years.
   Thời gian đào tạo của chương trình cao đẳng là 4 năm. Sinh viên không hoàn thành chương trình trong thời hạn quy định sẽ bị xem là buộc thôi học.
4. 學生需於學校規定時間內繳交學雜費與其他費用，若未依規定時間繳交者，將依逾期未註冊理由，處以退學。
   Tuition and other fees must be paid during the semester. Students will be drop out if not able to pay in time.
   Học phí và các khoản phí khác phải được thanh toán trong học kỳ. Sinh viên sẽ bị thôi học nếu không thanh toán đúng thời hạn.
5. 因學生使用學生簽證入學，若有休學、退學，必需於 10 天內離境。被退學之學生，將失去申請台灣各大學學士以下級別之使用外國學生身分入學之資格。若休學後復學，需重新辦理居留簽證與換發居留證。
   Students must leave Taiwan within 10 days after drop-out of school or dismissal by oneself. For dismissal students who will not be able to apply for any undergraduate (or below) degree in Taiwan as an international student. For reinstatements after approval to leave, students must re-apply and renew their Alien Residence Certificate.
   Do sinh viên nhập học bằng visa du học, nếu có quyết định nghỉ học hoặc thôi học, bắt buộc phải rời khỏi Đài Loan trong vòng 10 ngày. Sinh viên bị buộc thôi học sẽ mất quyền sử dụng thân phận sinh viên nước ngoài để đăng ký vào bất kỳ chương trình học nào dưới bậc đại học tại các trường đại học ở Đài Loan. Nếu sinh viên nghỉ học và sau đó quay lại tiếp tục học, cần phải làm lại thủ tục xin visa cư trú và cấp lại thẻ cư trú.
6. 該專班學生在學期間二年皆依規定住校；第四學期若有特殊情況，提出申請並通過審核得免住宿。
   Students in the program are required to reside in on-campus dormitories for the entire two-year study period; however, the fourth semester, those with special circumstances may apply for

exemption from this requirement, which may be granted upon approval.
Sinh viên thuộc chương trình chuyên ban này bắt buộc cư trú tại ký túc xá trong suốt hai năm học. Trong học kỳ thứ tư, nếu có lý do đặc biệt, sinh viên có thể nộp đơn xin miễn cư trú và được miễn nếu hồ sơ được xét duyệt thông qua.

7. 請假:需提前完成學校(在校上課期間)或實習廠商(實習期間)之程序，如無特殊事由且未完成者以曠課論。
   Leaves: students must complete all study or internship courses in advance, otherwise will be considered as absence.
   Xin nghỉ phép: Bạn phải hoàn thành trước các thủ tục của nhà trường (trong giờ học tại trường) hoặc cơ sở thực tập (trong thời gian thực tập) nếu không có lý do đặc biệt và không hoàn thành thủ tục sẽ bị coi là vắng mặt.

8. 學生於考試時如有作弊行為，一經查出，除該次成績以零分計算外，並視情節輕重分別予以記過、勒令退學或開除學籍之處分。
   If cheating is found during a test, the grade will be counted as 0. Also, students may get demerited or even drop out and expelled, depending on the situation.
   Học sinh gian lận trong thi cử và bị phát hiện sẽ bị tính điểm 0 và bị trừ điểm, đuổi học hoặc đuổi học tùy theo mức độ nghiêm trọng của vụ việc.

9. 學生入學後可申請工作證，無校外工作證或違反政府規定工讀時數(學期間工讀時數每週最多 20 小時，寒暑假期間工讀時數每週最多 40 小時) ，經學校或任何單位查獲者，將有罰款並有立即遣返回國之可能性。
   Students can apply for a work permit after enrollment. Without valid working permit or any students who against working hours regulation (maximum 20 hours per week during semester, maximum 40 hours per week during winter/summer vacation), the student may be fined or even be expelled/deported back to one's country of origin.
   Sau khi nhập học, sinh viên có thể nộp đơn xin giấy phép làm việc. Nếu làm việc bên ngoài trường mà không có giấy phép, hoặc vi phạm quy định của chính phủ về số giờ làm thêm (tối đa 20 giờ/tuần trong thời gian học, tối đa 40 giờ/tuần trong kỳ nghỉ hè và đông), khi bị nhà trường hoặc bất kỳ cơ quan có thẩm quyền phát hiện, sinh viên có thể bị phạt tiền và có khả năng bị trục xuất về nước ngay lập tức.

10. 考量新南向產學合作國際專班係為客製化專班及課程銜接相關事宜，該專班之學生不得任意轉換學校及轉系。
    International Industry-Academic Cooperative Program for the New Southbound Students is designed to combined the academic and corporation operations with specialized courses, therefore, students in this program are not allowed to transfer to any departments or colleges at school.
    Do chương trình chuyên ban Tân Hướng Nam là chương trình được thiết kế riêng và có sự liên kết chặt chẽ về nội dung đào tạo, sinh viên thuộc chương trình này không được phép tự ý chuyển trường hoặc chuyển ngành.

11. 欲轉換為至一般外國學生身分，需符合一般外國學生入學申請相關規定，並需回國自行重新辦理簽證，於申請成功後之下個學期起轉換身分。學校將發給入學或轉換身分通知書，並依規定重編年級與班級。
    Transfer to general international student: Students must be qualified by Regulations of International Student Admission, and go back to one's country of origin to re-apply VISA, then transfer to new role from next semester. The school will issue a new admission letter or role-transfer notice, also re-arrange grade and class accordingly.
    Nếu bạn muốn thay đổi sang hệ sinh viên nước ngoài thông thường, bạn phải tuân thủ các quy định liên quan đối với đơn xin nhập học chung của sinh viên nước ngoài và bạn cần phải trở về nước để tự mình xin thị thực mới. Bắt đầu từ học kỳ tiếp theo sau khi đơn đăng ký thành công,

nhà trường sẽ ra thông báo tuyển sinh hoặc thay đổi tư cách, đồng thời phân lớp, xếp lớp lại theo quy định.

12. 辦理復學之學生，需於規定時間內向學校申請復學、自行重新辦理簽證。學校依符合當學期開設所屬系所之產學專班缺額給予復學，若無專班名額，學生得以轉換為一般外國學生身分入學一般學士班。
Handling of Reinstatement: students must submit application for reinstatement in time and re-apply VISA by oneself. Then school will arrange for reinstatement according to the vacancy from the Industry-Academic Collaborative Program in the department. In cases there are no available quotas in the Industry-Academic Collaborative program, students may be admitted as regular foreign students in the Four-Year Bachelor Program.
Sinh viên xin phục hồi học phải nộp đơn xin phục học cho nhà trường trong thời gian quy định và tự mình làm thủ tục cấp lại visa. Nhà trường sẽ xem xét cấp phép phục học dựa trên số lượng chỉ tiêu còn trống của chương trình hợp tác sản – học trong khoa chuyên ngành tương ứng của học kỳ đó. Trường hợp không còn chỉ tiêu cho chương trình chuyên ban, sinh viên có thể chuyển sang học với tư cách sinh viên quốc tế thông thường vào chương trình đại học phổ thông..

13. 依教育部規範，學生須於一年級第二學期結束前通過華語文能力測驗(TOCFL) A2(含)以上，如未通過華語文能力 A2 級(含)以上測驗者，則本校將逕予退學。
According to the regulations of the Ministry of Education, students must pass at least TOCFL Level 2 (A2) before the end of the second semester of the first year. If students fail to achieve a level of A2 or above on the TOCFL, they will be dismissed from school without exception.
Theo quy định của Bộ Giáo dục, sinh viên phải đạt trình độ A2 trở lên trong kỳ thi năng lực tiếng Hoa (TOCFL) trước khi kết thúc học kỳ hai năm nhất. Sinh viên không đạt trình độ A2 trở lên sẽ bị nhà trường xử lý cho thôi học.

14. 實習課程將會由學生、學校與廠商訂定三方合約書，其中將明訂權利與義務。
A contract will be signed by student, school and employer for internship courses, all rights and obligations will be defined inside the contract.
Đối với các khóa thực tập, hợp đồng ba bên sẽ được ký kết giữa sinh viên, nhà trường và doanh nghiệp, trong đó quy định rõ ràng về quyền và nghĩa vụ.

15. 產學合作專班為三方(學生、學校、廠商)合作之專案，為達到課程學分要求，學生需配合學校與廠商所安排的實習課程內容與時間規畫。
Industry-Academic Collaborative Program is designed for three parties (students, school and employers). To meet the requirements to obtain full credit, students must comply with content of the internship courses and time management schedule promulgated by the University and the Employer.
Chuyên ban hợp tác là dự án hợp tác giữa ba bên (sinh viên, nhà trường và doanh nghiệp). Để đáp ứng yêu cầu tín chỉ của khóa học, sinh viên cần hợp tác với nội dung khóa học thực tập và kế hoạch thời gian do nhà trường và doanh nghiệp sắp xếp.

16. 學校校區內一律禁菸禁酒。違規者並依學校規定辦理。(依政府禁菸防治法規定違規者得罰鍰新台幣 2,000 - 50,000 元)
Smoking and any alcoholic practices are strictly prohibited inside the campus. Anyone who violates the rules intentionally will be fined between NTD2,000 and NTD50,000.
Nghiêm cấm hút thuốc và uống rượu trong khuôn viên trường. Những trường hợp vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của nhà trường. (Theo luật chống hút thuốc của chính phủ, người vi phạm có thể bị phạt 2.000 Đài tệ - 50.000 Đài tệ)

17. 居留證每年需延長一次費用為 1,000 元，有效期限需自行注意，國際事務中心將協辦新辦或延期。
Residence permit must be extended every year with cost NTD1,000. Please check the valid date yourself. International Affair Center will assist to apply or extend.

Giấy phép cư trú cần được gia hạn mỗi năm một lần với mức phí 1.000 Đài tệ. Bạn cần chú ý đến thời hạn hiệu lực. Trung tâm Quan hệ Quốc tế sẽ hỗ trợ các đơn đăng ký hoặc gia hạn mới.

18. 本專班學生就學期間領取政府及企業獎助，畢業後即具有一定期間的留臺就業義務(不得外派至海外)。學生如中途退出專班或畢業後未履約就業者，所受領之獎助金及生活津貼必須依規定之原則繳還。
Students in this program receive government and corporate assistance during their study period. After graduation, they are obligated to work in Taiwan for a specified period (without being dispatched overseas). If a student withdraws from the program midway or fails to fulfill the employment obligation after graduation, they must return the received grants and living allowances according to the specified principles.
Sinh viên trong chuyên ban này nhận được học bổng của chính phủ và doanh nghiệp trong quá trình học. Sau khi tốt nghiệp, họ có nghĩa vụ ở lại Đài Loan trong một thời gian nhất định (không được phép ra nước ngoài). Trường hợp sinh viên rút khỏi chuyên ban giữa chừng hoặc sau khi tốt nghiệp không tìm được việc làm thì học bổng và sinh hoạt phí đã nhận phải được hoàn trả theo nguyên tắc quy định.

19. 有任何的申訴、問題或需要協助，可透過校內業管負責單位協助、輔導或轉介(07-781-1151 #2401)。或透過教育部境外學生諮詢平台 (www.nisa.moe.gov.tw, 0800-789-007) 反應。
Any claims, inquires or need further assistance, please contact International Affairs Office at 07-781-1151 ext. 2401 via each administrative unit, or viewing the website of Ministry of Education (www.nisa.moe.gov.tw, 0800-789-007)
Nếu có khiếu nại, thắc mắc hoặc cần hỗ trợ, bạn có thể liên hệ với bộ phận quản lý kinh doanh của trường để được hỗ trợ, tư vấn hoặc giới thiệu (07-781-1151 #2401). Hoặc phản hồi thông qua Nền tảng tư vấn sinh viên nước ngoài của Bộ Giáo dục (www.nisa.moe.gov.tw, 0800-789-007).

以上為重點式條列，若有遺漏，將依相關法規之權利義務辦理。另若翻譯有所不同，將以中文版為主。

All aforementioned regulations are simplified versions. If anything is not mentioned, please refer to relevant law of rights and obligations. Additionally, in case if the English translation is different, the Chinese version shall serve as the basis.
Trên đây là những quy định chính. Nếu có bất kỳ thiếu sót nào, các quyền và nghĩa vụ của pháp luật và quy định có liên quan sẽ được tuân thủ. Nếu bản dịch khác, bản tiếng Trung sẽ được ưu tiên áp dụng.

☐ 是，我已清楚了解以上規定 *Yes, I have read and understood all the regulations above.*

Có, tôi hiểu rõ các quy định trên

英文姓名 *English Name Tên tiếng Anh*：_____

生日 *Date of Birth Ngày sinh*： _____

簽名 *Signature Ký tên*：_____

日期 *Date Ngày*：_____

(年 *yyyy* / 月 *mm* / 日 *dd*)

輔英科技大學國際學生產學合作專班學生自傳及留學計畫書
Autobiography and study plan
Bản tự giới thiệu và kế hoạch học tập

請以中文或英文撰寫約 1,000 字,內容**必須**敘述**個人家庭背景、求學經過、打工或工作經驗、出國求學動機、求學期間之讀書計畫**等，以及**完成學業後之人生規劃**。

In the following space, please write approximately 1,000 words in Chinese or English. You **MUST** describe your personal family background, study experience, work experience, motivation for studying abroad, study plans, as well as plan after the completion of your degree.

Vui lòng viết khoảng 1.000 từ bằng tiếng Trung hoặc tiếng Anh. Nội dung phải mô tả hoàn cảnh gia đình cá nhân, kinh nghiệm học tập, kinh nghiệm làm việc bán thời gian hoặc làm việc, động lực du học, kế hoạch học tập trong quá trình học, v.v. cũng như kế hoạch cuộc sống sau khi hoàn thành việc học.